TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **519**/2022/DS-PT
Ngày: 14/12/2022
V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng- Thư ký Toà án nhân dân TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Mai Thanh- Kiểm sát viên

Ngày 14/12/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất"; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXX - PT ngày 31 tháng 3 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 672/2022/TB-TA ngày 18/11/2022; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Như Giai, sinh năm 1970;** Trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

Đồng bị đơn: **Ông Nguyễn Như Học, sinh năm 1944.** *Vắng mặt*

Anh Nguyễn Như Thuỷ, sinh năm 1968. *Có mặt*

Đều trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại theo ủy quyền của ông Học và anh Thủy: **Chị Nguyễn Thị Giang**, sinh năm 1993; Trú tại: Đội 9, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội. *Có mặt*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: **Ông Nguyễn Phan Hào**, sinh năm 1951; Trú tại: tổ dân phố Trung 6, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; *Có mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Như Rơi, sinh năm 1966. *Vắng mặt*

2. Bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1967. *Vắng mặt*

3. Anh Nguyễn Như Mạnh, sinh năm 1988. *Vắng mặt*

4. Chị Lê Thị Mai, sinh năm 1990. Vắng mặt

5. Cháu Nguyễn Thị Bảo Linh, sinh năm 2011 (con anh Mạnh, chị Mai)

Đều trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Bà Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1955. *Vắng mặt*

7. Bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1962. *Vắng mặt.*

Đều trú tại: thôn 2, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

8. Ông Nguyễn Như Lễ, sinh năm 1948. *Vắng mặt.*

9. Bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1948. *Vắng mặt.*

10. Anh Nguyễn Như Hữu, sinh năm 1972. *Vắng mặt.*

11. Chị Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1973. *Vắng mặt.*

12. Anh Nguyễn Như Kiên, sinh năm 1993. *Vắng mặt.*

13. Chị Nguyễn Thị Miến, sinh năm 2001; Anh Nguyễn Như Kha, sinh năm 2005 (con anh Nguyễn Như Hữu và chị Nguyễn Thị Yến). *Vắng mặt*

Đều trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

14. Bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1960; Trú tại: thôn Đức Thành, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

15. Bà Nguyễn Thị Duyên, sinh năm 1972. *Vắng mặt.*

16. Anh Nguyễn Như Dương, sinh năm 1991. *Vắng mặt.*

17. Chị Nguyễn Thị Hân, sinh năm 1993. *Vắng mặt.*

Đều trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

18. Cháu Nguyễn Như Đạt, sinh năm 2013; Cháu Nguyễn Như Đăng, sinh năm 2015 (do anh Dương và chị Hân giám hộ)

19. Chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1993; Trú tại: Đội 9, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.*Có mặt*

20. Anh Nguyễn Như Lộc, sinh năm 1973; Trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; *Vắng mặt*

21. Anh Nguyễn Như Sơn, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn 3, Phú Dương, Hoài Đức, Lâm Hà, Lâm Đồng. *Vắng mặt*

22. Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1975. *Vắng mặt*

23. Bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1979. *Vắng mặt*

Đều trú tại: thôn 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

24. Ông Nguyễn Như Lợi, sinh năm 1971; Trú tại: Số 31/61, phường Thạnh Lộc, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. *Vắng mặt*

25. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1973; *Có mặt.*

26. Anh Nguyễn Như Huy, sinh năm 1992; *Vắng mặt.*

27. Anh Nguyễn Như Giáp, sinh năm 1994; *Vắng mặt.*

28. Chị Mầu Thị Tuyết, sinh năm 1993; *Vắng mặt.*

29. Chị Mầu Thị Nga, sinh năm 1995; *Vắng mặt.*

30. Cháu Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 2018 (con anh Huy, chị Tuyết)

31. Cháu Nguyễn Như Bảo Duy, sinh năm 2018 (con anh Giáp, chị Nga)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa, anh Huy, anh Giáp, chị Tuyết và chị Nga: Ông Nguyễn Như Giai; sinh năm 1970; Trú tại: Đội 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

32. Bà Nguyễn Thị Khuyên, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*

33. Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Thị Trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*

34. Ủy ban nhân dân xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. *Vắng mặt*

Người kháng cáo : Ông Nguyễn Như Học; Anh Nguyễn Như Thuỷ; Chị Nguyễn Thị Duyên, Chị Nguyễn Thị Hân, Anh Nguyễn Như Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ cuug cấp cho Tòa án, biên bản hòa giải, biên bản đối chất, các văn bản tố tụng, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Như Giai trình bày có nội dung:

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông với ông Nguyễn Như Học và anh Nguyễn Như Thủy trước đây là ao của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Như Dũng, Nguyễn Thị Túc. Năm 1992, hộ gia đình cụ Nguyễn Như Dũng gồm 6 tiêu chuẩn là: Cụ Nguyễn Như Dũng, cụ Nguyễn Thị Túc, ông Nguyễn Như Giai, ông Nguyễn Như Rơi, bà Nguyễn Thị Xuân (vợ ông Rơi) và Liệt sỹ Nguyễn Như Bái được Nhà nước giao đất % - đất làm kinh tế phụ gia đình – vào thửa ao này. Tiêu chuẩn mỗi người được giao tại thời điểm chia đất của xã Cát Quế là 1,5 thước/ 1 người, nhận vào ao thì được gấp đôi là 1,5 thước x 2 = 3 thước tương đương là 72m^2/1 người. Toàn bộ diện tích đất kinh tế phụ gia đình này hiện do gia đình ông Học và con trai ông Học là anh Thủy quản lý, sử dụng còn gia đình ông Lễ sử dụng bao nhiêu ông không rõ.

Cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc sinh thời có 8 người con đẻ là: Nguyễn Như Học, Nguyễn Như Lễ, Nguyễn Như Bái (là Liệt sỹ, hy sinh năm 1972, chưa có vợ con), Nguyễn Thị Hường, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Như Rơi và ông là Nguyễn Như Giai.

Khi còn sống bố, mẹ ông chung sống cùng vợ chồng ông và chung hộ khẩu với gia đình ông. Mẹ ông là cụ Túc chết năm 2000 và cụ Dũng chết năm 2003. Trước khi chết cụ Dũng và cụ Túc có di chúc miệng cho ông hưởng thừa kế đất đai, tài sản, thực hiện việc cúng giỗ và hưởng chế độ Liệt sĩ Bái.

Năm 1983, bố mẹ ông có xây dựng 02 gian nhà trên một phần đất tranh chấp để bố, mẹ ông sử dụng. Năm 1987 ông Nguyễn Như Rơi có ra ở trên 02 gian nhà này. Năm 1990, ông Rơi chuyển về phần diện tích đất ông Rơi hiện nay đang ở. Sau khi bố, mẹ ông mất thì thửa đất đang tranh chấp này do ông Học quản lý. Năm 2005, anh Thuỷ là con ông Học và vợ con anh Thủy phá bỏ 02 gian nhà cũ của bố mẹ, xây dựng nhà và các công trình đồng thời lấp ao như hiện nay. Khi gia đình anh Thuỷ xây dựng nhà và các công trình trên đất thì gia đình ông không có ý kiến gì bởi vì thời điểm đó ông chưa tìm được giấy tờ thể hiện việc gia đình ông được cấp đất kinh tế phụ gia đình vào thửa ao này.

Nay ông khởi kiện yêu cầu gia đình ông Học, anh Thuỷ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đang quản lý phần diện tích đất % - đất làm kinh tế phụ gia đình của gia đình ông- phải trả lại ông phần tiêu chuẩn đất của ông và ông Nguyễn Như Bái. Đối với tài sản gia đình anh Thuỷ đã phát triển trên đất, ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông chỉ biết phần tiêu chuẩn đất %- đất làm kinh tế phụ gia đình của ông nằm trong thửa đất số 243, tờ bản đồ 321-A-IV tại thppn 1 xã Cát Quế, huyện Hoài Đức hiện đang do anh Thủy cùng vợ con anh Thủy quản lý, sử dụng còn ông Lễ hay anh Hữu có quản lý phần diện tích đất nào hay không thì ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở pháp luật.

B ị đơn là ông Nguyễn Như Học và người đại diện theo ủy quyền của ông Học trình bày:

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là thửa đất ao của cụ Nguyễn Như Dũng là bố đẻ của ông để lại. Cụ Dũng cho ông ra ở từ năm 1980. Khi ra đó ở ông đã xây được 02 gian nhà cấp 4, ông ở đó được một thời gian thì cho vợ chồng ông Rơi ra ở. Ông Rơi ở khoảng 02 năm thì ông Rơi xây nhà trên thửa đất vườn của bố ông cho và dọn về đó ở. Năm 1990 , ông cho vợ chồng con trai ông là anh Thuỷ ra ở. Anh Thuỷ đã ở trên thửa đất hiện nay đang tranh chấp từ năm 1990. Gia đình

anh Thuỷ đã lấp ao, xây nhà và phát triển được các công trình trên đất như hiện nay, ông không có đóng góp công sức gì.

Nay ông Giai cho rằng thửa đất này được cấp đất kinh tế phụ gia đình cho gia đình cụ Nguyễn Như Dũng, trong đó có tiêu chuẩn của ông Nguyễn Như Giai, Nguyễn Như Bái thì ông không biết việc cấp đất này, ông chỉ biết đây là thửa đất bố ông cho ông ra ở từ trước, không biết là đất phần trăm hay đất kinh tế phụ gia đình được cấp vào đây. Việc bố ông cho ông ra đây ở không có văn bản giấy tờ gì. Theo ông, tiêu chuẩn đất % gia đình cụ Dũng được cấp là cấp vào đất vườn hiện nay do ông Nguyễn Như Rơi đang quản lý. Thửa đất anh Thủy con trai ông quản lý không có đất % hay đất kinh tế phụ gia đình là tiêu chuẩn của ông Giai ở đó.

Ông có vợ bà Nguyễn Thị Thới đã chết năm 1992. Vợ chồng ông có 8 người con là: Nguyễn Như Hùng (là liệt sỹ không có con), Nguyễn Như Sơn hiện nay ở trong Lâm Đồng, Nguyễn Như Thuỷ, Nguyễn Như Lợi hiện nay đang ở thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Như Lộc, Nguyễn Thị Lan hiện nay ở cát Quế, Nguyễn Thị Can (đã chết từ lâu không có chồng con), Nguyễn Thị Liên hiện nay đang ở xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Nay ông Giai khởi kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn thì ông không đồng ý vì ông đã sử dụng thửa đất này lâu rồi. Hơn nữa theo ông, tiêu chuẩn đất %- đất kinh tế phụ gia đình - của ông Giai đã được cấp vào diện tích đất hiện nay ông Giai và ông Rơi đang quản lý tại thửa 254. Ông Nguyễn Như Giai khởi kiện yêu cầu ông và anh Thủy trả lại tiêu chuẩn đất % (đất kinh tế phụ gia đình) là hoàn toàn không có căn cứ vì ông Giai không chứng minh được phần diện tích đất ông Giai đi đòi nằm ở đâu, diện tích bao nhiêu m^2, phần của ông Bái cũng vậy. Ai xác nhận phần của ông Bái giao cho ông Giai được sử dụng mà ông Giai đòi của ông Bái?. Ông đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như Giai.

Bị đơn là anh Nguyễn Như Thủy và người đại diện theo ủy quyền của anh Thủy trình bày:

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp hiện anh và vợ con anh đang quản lý, sử dụng là thửa đất ao của cụ Nguyễn Như Dũng là ông nội anh để lại. Ông nội anh cho bố anh là Nguyễn Như Học ra ở từ năm 1980. Khi ra đó ở bố anh đã xây được 02 gian cấp 4, bố anh ở đó được một thời gian thì cho vợ chồng ông Rơi, bà Xuân ra ở khoảng 02 năm thì ông Rơi xây nhà trên thửa đất vườn của ông nội anh cho và dọn về đó ở. Năm 1990, bố anh cho vợ chồng anh ra ở, vợ chồng anh đã san lấp toàn bộ thửa đất anh đang quản lý sử dụng, diện tích khoảng hơn 500 m^2. Năm 2005, vợ chồng anh xây dựng toàn bộ công trình trên đất và quản lý sử dụng cho đến

nay. Hiện nay diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh khẳng định toàn bộ nhà, đất trên gia đình anh không cầm cố, thế chấp, cho thuê, đổi hay cho ai mượn.

Gia đình anh gồm có: Anh là Nguyễn Như Thuỷ, vợ anh là chị Nguyễn Thị Duyên, con trai là Nguyễn Như Dương, con dâu là Nguyễn Thị Hân và 2 cháu nội là Nguyễn Như Đạt, Nguyễn Như Đăng đang sinh sống. Trước năm 2012 thì còn có con gái anh là Nguyễn Thị Giang ở, ngoài ra không còn ai khác nữa.

Nay ông Giai cho rằng thửa đất anh đang quản lý, sử dụng là thửa đất đất kinh tế phụ gia đình (đất %) hộ gia đình cụ Nguyễn Như Dũng được cấp trong đó có tiêu chuẩn của ông Nguyễn Như Giai, ông Nguyễn Như Bái thì anh không đồng ý. Theo anh, đây là đất ao do các cụ để lại, không phải là đất phần trăm. Diện tích 175 m^2 đất phần trăm ông Giai khởi kiện do ông Nguyễn Như Rơi đang quản lý, sử dụng nằm trong diện tích đất 606 m^2 thửa 254 gồm 360 m^2 đất thổ cư, 246 m^2 đất vườn mà cụ Dũng đã được cấp GCNQSD; Lúc còn sống thì cụ Dũng quản lý 360 m^2 đất ở, sau khi cụ Dũng chết thì ông Giai quản lý, sử dụng 360 m^2 đất này cho đến nay, số còn lại là 246 m^2 đất vườn do ông Rơi quản lý, sử dụng. Như vậy đất rau hay đất % hộ gia đình cụ Dũng được cấp không phải là thửa đất anh đang quản lý, sử dụng mà chính là thửa đất mà ông Nguyễn Như Rơi quản lý, sử dụng.

Nay ông Giai khởi kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của ông Giai, ông Nguyễn Như Bái (Liệt sĩ) nằm trong thửa đất anh đang quản lý thì anh không đồng ý. Đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như Giai vì ông Giai cũng không chứng minh được phần diện tích đất ông Giai đi đòi nằm ở đâu, diện tích bao nhiêu m^2, phần của ông Bái cũng vậy? Ai xác nhận phần của ông Bái giao cho ông Giai được sử dụng?.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Như Rơi trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là của bố, mẹ ông để lại. Năm 1987, thực hiện chủ trương chung của nhà nước về việc chia tiêu chuẩn đất % (đất rau), tại thời điểm đó, vợ chồng ông ở chung hộ với bố, mẹ ông và ông Giai. Ông được biết thì gia đình ông được giao đất % vào thửa đất ven đê (đất đang tranh chấp), các thành viên được giao đất là bố, mẹ ông là cụ Dũng và cụ Túc, vợ chồng ông là Rơi và bà Xuân, ông Giai và 01 tiêu chuẩn của liệt sỹ Bái. Ông không biết cụ thể mỗi tiêu chuẩn được bao nhiêu m^2, đề nghị Toà xác minh tại địa phương. Khi cụ Dũng và cụ Túc còn sống thì thửa đất đang tranh chấp do cụ Dũng và cụ Túc quản lý. Sau khi cụ Dũng chết, ông Học cho con là anh Thủy sang quản lý. Khi cụ Dũng còn sống đã có di chúc miệng là không cho ông Nguyễn Như Học thửa đất này. Nếu

Toà án xác định tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông ở thửa đất ven đê được bao nhiêu thì đề nghị Toà án xem xét trả lại vợ chồng ông theo quy định của nhà nước. Hiện nay ông Giai là người thờ cúng ông Bái là liệt sĩ nên đề nghị Toà xem xét tiêu chuẩn đất % của ông Bái giao cho ông Giai. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp của vợ chồng ông và bố, mẹ ông, ông Giai, ông Bái (liệt sỹ) đề nghị để thành một khối, tạm giao toàn bộ cho ông Giai quản lý, sau này anh, em ông sẽ tự phân chia sau.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Xuân trình bày:***

Bà là vợ ông Nguyễn Như Rơi, vợ chồng bà kết hôn năm 1986, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố, mẹ chồng là cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc, chung hộ khẩu cùng cụ Dũng. Năm 1987 gia đình bà được nhà nước giao đất % - đất kinh tế phụ gia đình vào cùng hộ cụ Dũng. Phần diện tích đất này được giao vào thửa ven đê là thửa đất ao cũ của cụ Dũng và cụ Túc, cũng chính là thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông Giai với ông Học. Thời kỳ đó gia đình cụ Dũng, cụ Túc được giao đất gồm các thành viên: Cụ Dũng, cụ Túc, vợ chồng bà là Rơi và Xuân, ông Giai và 01 tiêu chuẩn liệt sỹ là ông Bái. Hiện nay ông Bái đang do gia đình ông Giai thờ cúng. Sau khi được giao đất cho hộ gia đình cụ Dũng thì cụ Dũng quản lý toàn bộ, nay thửa đất này ông Học cho anh Thuỷ (con trai ông Học) quản lý. Bà nhất trí quan điểm của ông Rơi chồng bà là giao toàn bộ thửa đất này cho ông Giai quản lý, sau này ông, bà sẽ tự giải quyết với ông Giai sau. Khi Toà án giải quyết vụ kiện thì bà xin vắng mặt và uỷ quyền toàn bộ cho ông Nguyễn Như Rơi tham gia giải quyết vụ án tại Toà án các cấp.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Như Mạnh và chị Lê Thị Mai trình bày:*** Anh, chị là con trai và con dâu của ông Nguyễn Như Rơi và bà Nguyễn Thị Xuân. Vợ chồng anh, chị không có công sức gì trong việc phát triển thửa đất hiện nay ông Rơi và bà Xuân đang quản lý. Anh chị không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của ông Giai. Khi Toà án giải quyết vụ kiện anh, chị xin vắng mặt tại Toà án.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Duyên và người đại diện theo ủy quyền của chị Duyên trình bày:*** Chị và anh Nguyễn Như Thuỷ kết hôn vào năm 1989, sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng là ông Nguyễn Như Học và bà Nguyễn Thị Thới. Bà Thới đã chết năm 1991. Đến năm 1990 vợ chồng chị được bố, mẹ chồng cho ra ở trên thửa đất hiện nay đang tranh chấp, khi đó thửa đất này có 02 gian nhà cấp 4; 02 bể làm sắn (chiếm diện tích khoảng 1/4 thửa đất) còn lại là ao. Gia đình chị đã lấp ao (ao sâu khoảng

3m) và xây dựng toàn bộ nhà và công trình như hiện nay mà không có ai tranh chấp gì, thời điểm đó cụ Dũng vẫn còn sống cũng không có ý kiến gì.

Nay ông Giai khởi kiện thì chị đề nghị Toà giải quyết trên cơ sở pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho gia đình nhà chị. Chị thống nhất với ý kiến của chồng chị là anh Nguyễn Như Thuỷ.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang khai:*** Các chị không có công sức đóng góp gì xây dựng khối tài sản trên đất tranh chấp..

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Như Lễ và vợ bà Nguyễn Thị Cúc trình bày:*** Về nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là thửa đất ao của cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc là bố, mẹ ông bà để lại. Khi bố, mẹ ông còn sống đã chia cho vợ chồng ông một phần phần diện tích đất ao này (khoảng 300 m^2), có ranh giới như hiện nay, ông cho con trai lớn là anh Nguyễn Như Hữu và vợ là chị Nguyễn Thị Yến quản lý và sinh sống. Toàn bộ tài sản trên diện tích đất đó là do vợ chồng ông, bà xây dựng lên, vợ chồng anh Hữu và chị Yến có hỗ trợ.

Quan điểm của ông, bà là: Phần diện tích đất gia đình ông, bà hiện nay đang sử dụng đã được bố, mẹ cho từ lâu thì đề nghị Toà án công nhận. Còn phần diện tích đất hiện do gia đình anh Thuỷ (con trai ông Học) đang quản lý, sử dụng mà ông Giai đang khởi kiện thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc gia đình cụ Dũng (trong đó có ông Giai) được nhà nước giao đất kinh tế phụ gia đình (đất %) ở đâu thì ông, bà không biết. Khi Toà án giải quyết vụ kiện ông, bà xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Như Hữu trình bày:*** Anh là con trai ông Nguyễn Như Lễ và bà Nguyễn Thị Cúc. Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Như Giai với gia đình ông Nguyễn Như Học là của cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc để lại. Anh chỉ biết khi cụ Dũng còn sống đã cắt cho bố anh là ông Nguyễn Như Lễ phần diện tích đất hiện nay anh đang ở và vợ chồng anh được bố mẹ cho ra ở từ năm 1992 đến nay. Phần diện tích đất của gia đình anh đã được tách riêng trên bản đồ địa chính xã, không có ai tranh chấp đến phần diện tích đất này.

Nay việc kiện xảy ra quan điểm của anh là đề nghị hai bên hoà giải bởi vì phần diện tích đất ao ông nội anh cho bố anh sau đó đã được nhà nước chuyển phần diện tích đất kinh tế phụ của gia đình anh vào đây. Bản thân anh không có quyền lợi gì trong phần diện tích đất ông Giai đang khởi kiện ông Học. Toàn bộ tài sản phát triển được trên phần diện tích đất gia đình anh đang ở là công sức của bố, mẹ anh và vợ chồng anh. Khi toà án giải quyết vụ kiện anh xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Yến trình bày:***

Chị là vợ của anh Nguyễn Như Hữu. Chị không biết gì về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Như Giai với ông Nguyễn Như Học. Thửa đất hiện nay vợ chồng chị đang ở là do vợ chồng chị được bố, mẹ chồng là ông Nguyễn Như Lễ và bà Nguyễn Thị Cúc cho ở từ năm 1992. Toàn bộ tài sản trên đất hiện nay là công sức của bố, mẹ chồng chị là ông Nguyễn Như Lễ, bà Nguyễn Thị Cúc và công sức của vợ chồng chị.

Hiện nay trên thửa đất này chỉ có vợ chồng chị và 03 người con là: Nguyễn Như Kiên, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Miến, sinh năm 2001 và Nguyễn Như Kha, sinh năm 2005 đang ở. Nay việc kiện xảy ra, gia đình nhà chị không liên quan gì đến phần diện tích đất đang tranh chấp. Khi Toà án giải quyết vụ kiện chị xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Như Kiên trình bày:*** Anh là con ông Nguyễn Như Hữu và bà Nguyễn Thị Yến. Anh không biết gì về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Như Giai với ông Nguyễn Như Học. Anh chỉ biết thửa đất hiện nay gia đình anh đang ở là của ông bà nội anh là ông Nguyễn Như Lễ và bà Nguyễn Thị Cúc cho bố mẹ anh ở. Bản thân anh không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này.

Nay việc kiện xảy ra đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết. Khi Toà án giải quyết vụ kiện anh xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hà và bà Nguyễn Thị Hường trình bày:*** Các bà là con của cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc. Cụ Túc đã chết năm 2000 và cụ Dũng đã chết năm 2003. Cụ Dũng và cụ Túc có 8 người như ông Nguyễn Như Giai khai.

Thửa đất hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc là đất ao của cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc để lại. Theo quy định của địa phương thì tiêu chuẩn đất % của cụ Dũng, cụ Túc, ông Rơi, bà Xuân (vợ ông Rơi), ông Giai, ông Bái (là Liệt sỹ) được chia về thửa đất ao này của cụ Dũng. Cụ thể được bao nhiêu m^2 thì các bà không biết. Hiện nay các bà giao cho ông Nguyễn Như Giai thờ cúng liệt sỹ là ông Nguyễn Như Bái. Khi bố, mẹ các bà còn sống ở cùng và chung hộ khẩu với ông Giai. Trước đây gia đình đã sắp xếp theo phương án cắt từ đầu đốc của nhà trên thửa đất tranh chấp do anh Thủy quản lý đến phần còn lại trả cho ông Giai, phần còn lại để gia đình ông Học, anh Thuỷ quản lý nhưng không được phía gia đình ông Học và anh Thuỷ chấp nhận. Nay việc kiện xảy ra, đề nghị Toà giải quyết hoà giải hai bên cho tình cảm. Nếu không hoà giải được đề nghị Toà giải quyết theo pháp luật. Bản thân

các bà không yêu cầu quyền lợi gì trên thửa đất này. Khi Toà án giải quyết vụ kiện, các bà xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng trình bày:***

Bà là con của cụ Nguyễn Như Dũng và cụ Nguyễn Thị Túc.

Trong quá trình chung sống bố, mẹ bà đã tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng đất và các công trình trên đất, bố mẹ bà đã chia riêng ai phận đấy đầy đủ.

Thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông Giai và ông Học có nguồn gốc là thửa đất ao của bố, mẹ bà. Thửa đất ao này đã được địa phương cấp đất % (đất rau) cho các thành viên gồm: Bố, mẹ bà, ông Rơi, bà Xuân, ông Bái (là Liệt sỹ) và ông Giai. Khi bố, mẹ bà còn sống ở cùng và chung hộ khẩu với ông Giai. Thửa đất tranh chấp trước đây do bố, mẹ bà quản lý. Sau khi bố, mẹ bà chết thì bà thấy ông Học và con trai ông Học là anh Thuỷ quản lý.

Bà đề nghị Toà giải quyết vụ án theo pháp luật, bản thân bà không yêu cầu quyền lợi gì trong thửa đất này. Khi Toà án giải quyết vụ kiện bà xin vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Như Sơn, anh Nguyễn Như Lộc, chị Nguyễn Thị Lan và chi Nguyễn Thị Liên trình bày***:

Các anh, chị là con của ông Nguyễn Như Học và bà Nguyễn Thị Thới. Mẹ các anh chị là bà Nguyễn Thị Thới đã chết năm 1992. Sinh thời bố, mẹ các anh chị sinh được 8 người con như bố các anh, chị trình bày

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp trước đây là đất ao, bố các anh chị là ông Nguyễn Như Học đã sử dụng từ năm 1980, trên thửa đất ao này có 1/4 diện tích là đất liền còn lại 3/4 diện tích là đất ao. Bố các anh, chị đã xây một gian nhà nhỏ 02 gian trên phần diện tích đất liền phần còn lại là ao, bố các anh, chị thả bèo để chăn nuôi. Năm 1990 bố các anh, chị đã cho vợ chồng anh Nguyễn Như Thuỷ ra ở và quản lý thửa ao này. Vợ chồng anh Thuỷ đã phá bỏ nhà cũ 02 gian và đổ đất lấp ao xây dựng lại toàn bộ công trình như hiện nay, đến năm 2013 mới xảy ra tranh chấp, nguyên nhân tranh chấp là do ông Giai cho rằng đây là đất phần % trong đó có tiêu chuẩn của ông Giai.

Nay ông Giai khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét buộc ông Học, anh Thuỷ phải trả lại đất cho ông Giai thì các anh, chị đều có quan điểm đề nghị Toà án xem xét thửa đất này ông Học đã sử dụng ổn định từ năm 1980 đến khi xảy ra tranh chấp và ông Giai không có đất % hay đất kinh tế phụ gia đình trong thửa đất này. Bản thân các anh, chị không có quyền lợi gì trong thửa đất này. Khi Toà án giải quyết vụ kiện các anh, chị xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Hoa trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Như Giai, bà hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông Giai. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giai, buộc gia đình ông Học, anh Thuỷ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đang quản lý phần diện tích đất phải trả lại cho ông Giai phần diện tích đất % - đất kinh tế phụ gia đình- là tiêu chuẩn của ông Giai và ông Nguyễn Như Bái (là liệt sĩ). Vì phần đất hiện nay gia đình anh Thuỷ + vợ + các con anh Thủy đang quản lý là phần diện tích đất nông nghiệp gia đình cụ Dũng được cấp theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước là % (đất kinh tế phụ gia đình) có phần tiêu chuẩn của ông Giai và ông Bái (liệt sĩ). Bà ủy quyền cho ông Nguyễn Như Giai tham gia tố tụng tại Tòa án.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện Hoài Đức do ông Nguyễn Quang Đức đại diện theo pháp luật trình bày***:

Hiện nay phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hoài Đức chỉ lưu sổ "*Danh sách các hộ được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đợt 1 Quế Dương*", không lưu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Dũng mà Hồ sơ này do Ủy ban nhân dân xã Cát Quế lưu. Đối với tranh chấp giữa ông Giai và ông Học, ông Thuỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Tại các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện Ủy ban nhân dân xã Cát Quế cho biết :***

Nguồn gốc thửa đất hiện nay anh Nguyễn Như Thủy và vợ con anhThủy đang quản lý có tiêu chuẩn đất % - đất kinh tế phụ gia đình của các nhân khẩu: Cụ Nguyễn Như Dũng, cụ Nguyễn Thị Túc, ông Nguyễn Như Giai, ông Nguyễn Như Rơi, bà Nguyễn Thị Xuân (vợ ông Rơi), ông là Nguyễn Như Bái là liệt sỹ. Hộ gia đình cụ Dũng được giao đất % (đất kinh tế phụ gia đình) vào thửa 243 hiện nay đang do anh Thủy và vợ, con anh Thủy và một phần thửa đất do anh Hữu và gia đình anh Hữu đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra hộ gia đình cụ Dũng không có thửa đất % nào khác. Tại thời điểm chia đất, hộ gia đình của cụ Dũng được giao vào đất ao thì mỗi tiêu chuẩn được một gấp đôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Như Huy, anh Nguyễn Như Giáp, chị Mầu Thị Tuyết và chị Mầu Thị Nga: Ủy quyền cho ông Nguyễn Như Giai tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như Lợi, bà Chu Thị Khuyên: Không đến Tòa làm việc theo giáy triệu tập, không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án huyện Hoài Đức xử:

1. *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như Giai về việc kiện yêu cầu "Đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp" tại thửa đất số 240 và thửa đất số 243, tờ bản đồ số 321-A-IV tại Khu vực 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đối với bị đơn là ông Nguyễn Như Học, anh Nguyễn Như Thủy. Tài sản tranh chấp là 144 m^2 đất % - đất kinh tế phụ gia đình nằm trong thửa 243 hiện đang do ông Nguyễn Như Học, anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, cháu Nguyễn Như Đăng (cháu Đạt và cháu Đăng do anh Dương, chị Hân là đại diện theo pháp luật), ông Nguyễn Như Lễ, anh Nguyễn Như Hữu, chị Nguyễn Thị Yến, anh Nguyễn Như Kiên, chị Nguyễn Thị Miến, anh Nguyễn Như Kha (chị Miến và anh Kha do anh Hữu và chị Yến là đại diện theo pháp luật) quản lý tại địa chỉ: thôn 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.*

2. *Buộc ông Nguyễn Như Học, anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, cháu Nguyễn Như Đăng (cháu Đạt và cháu Đăng do anh Dương, chị Hân là đại diện theo pháp luật) trả lại ông Nguyễn Như Giai phần diện tích đất % - đất kinh tế phụ gia đình là 144 m^2 (phần tiêu chuẩn của ông Giai + phần tiều chuẩn của ông Bái (liệt sĩ) giao cho ông Giai quản lý sử dụng) nằm trong thửa đất số 240 và một phần thửa đất số 243, tờ bản đồ số 321-A-IV tại Khu vực 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vị trí đất được xác định từ điểm 1,2,3,4, 8,1 (Có sơ đồ kèm theo), cụ thể:*

Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 9,31m;

Cạnh Tây dài 9,86m giáp với thửa đất hiện ông Bách đang quản lý;

Cạnh Nam dài 15,37m giáp với thửa đất hiện gia đình anh Thủy đang quản lý;

Cạnh Bắc dài 14,84m giáp với thửa đất hiện ông Giới đang quản lý.

Giao ông Nguyễn Như Giai được quyền sử dụng 144 m^2 và sở hữu các tài sản phát triển trên phần đất được giao gồm: gồm 01 nhà cấp 4 (khu chăn nuôi), 01 bể lọc, sân gạch, trụ cổng.

Phần diện tích đất còn lại mà anh Nguyễn Như Thủy, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, và cháu Nguyễn Như Đăng (cháu Đạt và cháu Đăng do anh Dương, chị Hân là đại diện theo pháp luật) đang quản lý thì anh Nguyễn Như Thủy, chị Nguyễn

Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, và cháu Nguyễn Như Đăng (cháu Đạt và cháu Đăng do anh Dương, chị Hân là đại diện theo pháp luật) tự mở lối đi trên phần đất mình đang quản lý.

***3**. Ông Nguyễn Như Giai có trách nhiệm thanh toán cho gia đình anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, cháu Nguyễn Như Đăng (cháu Đạt và cháu Đăng do anh Dương, chị Hân là đại diện theo pháp luật) giá trị chênh lệch về các công trình xây dựng phát triển trên phần đất được giao và công tôn nền là 60.005.000 đồng (Sáu mươi triệu không trăm linh năm nghìn đồng).*

***4.** Anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, cháu Nguyễn Như Đăng (cháu Đạt và cháu Đăng do anh Dương, chị Hân là đại diện theo pháp luật) được nhận số tiền là 60.005.000 đồng (Sáu mươi triệu không trăm linh năm nghìn đồng) do ông Nguyễn Như Giai thanh toán.*

***5**. Không chấp nhận các yêu cầu khác của đương sự.*

***6**. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ kiện dân sự khác nếu các quy định về điều kiện khởi kiện đối với yêu cầu đó còn theo quy định của pháp luật.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ông Nguyễn Như Học, anh Nguyễn Như Thủy, chị Nguyễn Thị Duyên, chị Nguyễn Thị Hân, anh Nguyễn Như Dương có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Người kháng cáo không rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Ông Nguyễn Phan Hào là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày bản luận cứ và đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ việc giải quyết vụ án vì: Căn cứ theo Văn bản số 147/CV-UBND ngày 15/6/2021 của UBND xã Cát Quế xác định đất % của hộ gia đình cụ Dũng nằm tại thửa đất số 254 mà hienj gia đình ông Gia và ông Rơi đang quản lý, sử dụng và cụ Dũng đã dược cấp giáy chứng nhận; nguyên đơn đi kiện nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên đơn có đất phần trăm (đất rau xanh) trong diện tích đất thửa 240, 243 mà gia đình bị đơn đang quản lý, sử dụng.

Đại diện VKSNDTP Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nọi dung vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dan sự, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức để giải quyết lại từ giai đoạn sơ thẩm vì các lý do:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu đề nghị công nhận diện tích đất tranh chấp của gia đình bị đơn nhưng Tòa cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm thủ tục phản tố;

+ Cấp sơ thẩm chưa làm rõ công sức tôn tạo đất của gia đình ông Học và anh Thủy; chưa định giá công san lấp đất của gia đình anh Thủy; chưa làm rõ diện tích đất thừa ra của gia đình ông Lễ nằm tại vị trí nào?; chưa hướng dẫn gia đình cụ Dũng làm thủ tục phân chia quyền sử dụng đất, chia thừa kế quyền sử dụng đất phần của cụ Dũng; việc giao cả phần đất tiêu chuẩn của ông Bái cho ông Giai là chưa có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi của các thừa kế của ông Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Thủy nộp "Đơn phản tố" đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Dũng, cụ Túc để lại là 1.496m^2 đất tại: Thửa đất số 254, TBĐ số 321-IV; thửa số 81-1, TBĐ số 12; thửa 190-3; thửa 30-2.

Xét thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn chỉ có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, việc bị đơn ông Thủy nộp đơn phản tố tại phiên tòa phúc thẩm không được chấp nhận.

[II]. Về nội dung:

2.1. Xét thấy: Diện tích đất kinh tế phụ gia đình (đất phần trăm, đất rau xanh, đất màu) mà nguyên đơn ông Giai kiện đòi đối với ông Học, anh Thủy là một phần đất thuộc 592 m^2 đất ao thửa số 230 theo Bản đồ năm 1987, có nguồn gốc xa xưa của

cụ Dũng, cụ Túc. Năm 1990 khi đo đạc bản đồ địa chính toàn xã theo chủ trương chung thì thửa đất ao số 230 nêu trên được tách thành hai thửa là thửa 240 diện tích 109m^2 và thửa 243 diện tích 497m^2. Năm 1991, cụ Dũng làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả hai thửa đất này. Cụ thể:

+ Thửa 240 diện tích 109m^2, ghi đất thổ cư;

+ Thửa 243 diện tích 497m^2 ghi đất ao. Cụ Dũng ghi tại phần ghi chú dòng: "Cho ông Lễ 264 m^2" .

Cụ Dũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả hai thửa đất số 240 và 243 nêu trên.

Tại sổ Mục kê năm 1987 thể hiện: Cụ Nguyễn Như Dũng sử dụng diện tích 618 m^2 thửa 244 (nay là thửa 254 theo Bản đồ 1990) gồm 360 m^2 đất ở, 78m^2 đất vườn, 180m^2 đất % ngoài ra còn sử dụng 197 m^2 đất ao (không ghi đất ao thuộc thửa nào?)

Năm 1992, cụ Dũng được cấp GCNQSDĐ thửa 254 với diện tích 606m^2 đất (gồm 360m^2 đất ở, 246m^2 đất vườn).

Theo xác nhận của UBND xã Cát Quế tại Công văn số 79/CV-UBND ngày 28/4/2022 thể hiện: Hộ gia đình cụ Dũng gồm 03 cặp vợ chồng đủ tiêu chuẩn cấp thêm một tiêu chuẩn đất thổ cư tại vườn, tại thời điểm đó ông Rơi được xét và cấp đất thổ cư tại vườn, hộ gia đình ông Rơi đã nhà trên trên diện tích đất vườn 246m^2 thửa 254 từ trước năm 1990 nên được địa phương giao đất ở tại vườn trước thời điểm năm 1992; Hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại xã còn lưu danh sách các hộ được xét cấp tại chỗ có tên ông Nguyễn Như Rơi.

Như vậy, việc cấp đất ở tại vườn cho ông Rơi tại diện tích đất vườn 246m^2 thửa 254 dẫn đến việc hộ gia đình cụ Dũng không còn đất vườn nữa.

Theo Sổ thu thuế do UBND xã Cát Quế lập ngày 10/6/1994 cấp cho hộ cụ Nguyễn Như Dũng thể hiện đất "vườn ao" không ghi xứ đồng là 71m^2; đất "ao-vườn" diện tích 175m^2. Tất cả các đương sự và UBND xã Cát Quế đều xác nhận gia đình cụ Dũng không có ao nào khác ngoài diện tích ao thửa 230 theo bản đồ 1987 (là thửa 240 và 243 theo Bản đồ năm 1990).

Theo các biên bản xác minh tại UBND xã Cát Quế vào các ngày 15/12/2014; 29/5/2017; 23/4/2019 (tại các BL 115-118; 294-299; 618-622) do Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện, UBND xã Cát Quế đều cung cấp thông tin: Năm 1992, khi thực hiện Chỉ thị 41/CP và Quyết định 250 của Ủy ban nhân tỉnh Hà Tây (cũ) về việc giao đất nông nghiệp (đất kinh tế phụ gia đình) cho các hộ gia đình, cá nhân vào diện tích đất vườn, ao còn thừa của các hộ gia

đình, theo tiêu chuẩn cấp vào ao thì được tăng gấp đôi. Hộ ông Lễ và hộ cụ Dũng được chia tiêu chuẩn đất kinh tế phụ vào diện tích đất ao thửa 230 (theo bản đồ 1990là thửa 240 và 243).

Tuy nhiên, tại Văn bản số 147/CV-UBND ngày 15/6/2021 do UBND xã Cát Quế gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội lại có nội dung: "*Hiện nay theo hồ sơ lưu trữ, quản lý tại UBND xã Cát Quế có danh sách xét duyệt cấp GCNQSDĐ năm 1992 trên địa bàn xã Cát Quế đã được UBND huyện Hoài Đức xét duyệt. Trong đó có thể hiện đất % của gia đình ông Nguyễn Như Dũng được chia tại vườn tại thửa đất số 254, TBĐ 321-A-IV với tổng diện tích 606m^2, trong đó có 360m^2 đất ở, 246m^2 đất vườn*".

Tại Biên bản xác minh ngày 23/3/2022, UBND xã Cát Quế cung cấp ý kiến cho Tòa án NDTP Hà Nội có nội dung phủ nhận ý kiến nêu tại Văn bản số 147/CV-UBND: "*Văn bản số 147/CV-UBND ngày 15/6/2021 của UBND xã Cát Quế ghi nội dung đất % của gia đình ông Nguyễn Như Dũng được chia tại thửa đất số 254, TBĐ 321A-IV với tổng diện tích 606m^2 trong đó có 360m^2 đất ở, 246m^2 đất vườn là không chính xác theo các sổ sách lưu khác*"; "*UBND xã không xác định ông Dũng được cấp đất theo Nghị định 64 vào thửa 240; 243*" và "*gia đình ông Dũng được cấp đất theo Nghị định 64 vào đất ao thửa 240; 243 theo tiêu chuẩn 1 X 2 là do cán bộ xã xác minh qua ý kiến của ông Nguyễn Như Lễ mà chưa có sự xác minh, kiểm chứng theo sổ sách"*.

Như vậy, UBND xã Cát Quế một mặt không xác định diện tích đất %, đất kinh tế phụ gia đình của hộ gia đình cụ Dũng không cấp vào thửa 254, một mặt cũng không xác định đất % (hay đất rau xanh, đất kinh tế phụ) của hộ gia đình cụ Dũng được cấp vào thửa 240 hay thửa 243 vì lý do hiện tại UBND xã Cát Quế không lưu giấy tờ, văn bản về việc giao đất %.

Xét thấy: UBND xã Cát Quế không lưu giữ tài liệu ghi rõ về việc hộ gia đình ông Dũng được giao đất kinh tế phụ vào thửa 240; 243 nhưng qua các tài liệu, hồ sơ còn lưu giữ tại UBND xã Cát Quế như: Sổ theo dõi thu thuế đất năm 1994, Danh sách xét cấp đất ở tại vườn, sổ mục kê đất qua các thời kỳ, ý kiến cung cấp của UBND xã Cát Quế trước đây và ý kiến của UBND xã Cát Quế tại Công văn số 79/CV-UBND ngày 28/4/2022 thì có căn cứ xác định: Hộ gia đình cụ Dũng có được giao đất %, đất làm kinh tế phụ gia đình vào thửa đất ao số 230 (nay là thửa 240; 243 theo bản đồ năm 1990). Việc phủ nhận các ý kiến đã cung cấp trước đây cho Tòa án của UBND xã Cát Quế tại Biên bản xác minh ngày 23/3/2022 thể hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương qua các thời kỳ không được chặt chẽ và thái độ thiếu trách

nhiệm, thiếu nghiêm túc của người có thẩm quyền khi cung cấp ý kiến xác minh cho Tòa án làm cho việc giải quyết vụ án trở lên phức tạp.

2.2. Như trên đã nhận định, hộ gia đình cụ Dũng và hộ gia đình ông Lễ được giao đất %, đất kinh tế phụ gia đình tại diện tích đất ao thửa 230 (nay là thửa 240,243) của gia đình cụ Dũng. Tuy nhiên, do diện tích ao thửa 230 chỉ có 606m^2 và phần đất ao cụ Dũng cho ông Lễ là 264m^2 nên chỉ có căn cứ xác định hộ cụ Dũng và hộ ông Lễ nhận theo đúng diện tích đất ao của gia đình có. Cụ thể: Hộ ông Lễ được giao đất kinh tế phụ vào 264 m^2 đất ao mà cụ Dũng cho năm 1991; hộ cụ Dũng được giao đất kinh tế phụ vào phần diện tích đất ao còn lại. Theo bản đồ năm 1990 thì thửa 240, 243 (là ao thửa 230 cũ) có tổng diện tích là: (109 +497)m^2 = 606 m^2. Như vậy, hộ cụ Dũng được cấp đất kinh tế phụ vào 606 m^2 - 264m^2 = 342m^2 đất ao thửa 230 (nay là thửa 240; 243).

Theo kết quả đo đạc hiện trạng thì thửa 240 và 243 có tổng diện tích là 647,1m^2, trong đó do ông Lễ (nay là gia đình anh Hữu, chị Yến) đang quản lý, sử dụng tại thửa đất 243 là 311,4 m^2, so với diện tích đất ông Lễ được giao là 264 m^2 thì thừa ra 47,4 m^2; Gia đình ông Học (nay là anh Thủy, chị Duyên và các con anh Thủy, chị Duyên) quản lý, sử dụng tại thửa 240 và thửa 243 là 335,7 m^2. Như vậy, phần đất kinh tế phụ gia đình của hộ cụ Dũng được giao tại thửa 240 và 243 là: (335,7 m^2 + 47,4 m^2) = 383,1m^2.

Tiêu chuẩn cấp đất kinh tế phụ cho hộ cụ Dũng theo xác nhận của địa phương thì cấp cho 5 nhân khẩu và 01 tiêu chuẩn Liệt sỹ, cụ thể gồm: Cụ Nguyễn Như Dũng, cụ Nguyễn Thị Túc, ông Nguyễn Như Bái (là liệt sĩ), ông Nguyễn Như Rơi, bà Nguyễn Thị Xuân và ông Nguyễn Như Giai. Như vậy mỗi người được hưởng 383,1m^2 :6 = 63,85m^2

Ông Học khai, ông được cụ Dũng cho ra làm nhà cấp 4 tại thửa đất số 240 từ năm 1980, thả bèo trên phần ao còn lại nhưng ông không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào thể hiện cụ Dũng cho ông hẳn ao này và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các thành viên trong hộ gia đình cụ Dũng được giao đất làm kinh tế phụ gia đình đồng ý cho ông Học đất này. Ông Bái hy sinh năm 1972, không có vợ con. Ông Học là con trưởng trong gia đình cụ Dũng nhưng sau khi cụ Dũng chết việc thờ cúng ông Bái do ông Giai đảm nhiệm. Tất cả các người anh, chị em khác của Liệt sỹ Bái đều thống nhất giao cho ông Giai được quản lý, sử dụng tiêu chuẩn đất của Liệt sỹ Bái dùng vào việc thờ cúng ông Bái. Do vậy, việc ông Giai có yêu cầu đòi lại tiêu chuẩn đất của mình và tiêu chuẩn của Liệt sỹ Bái là có căn cứ. Tổng diện tích đất tiêu chuẩn của ông Giai và của Liệt sỹ Bái là 63,85m^2 x 2=127,7 m^2.

Bản án sơ thẩm chia kỷ phần của ông Giai và Liệt sỹ Bái vào phần diện tích đất gia đình anh Thủy đang quản lý, sử dụng và buộc anh Thủy và những người trong gia đình anh Thủy phải giao trả cho ông Giai 144 m^2 đất và buộc ông Giai phải thanh toán chênh lệch 16,3 m^2cho các tiêu chuẩn còn lại là có căn cứ. Trên phần đất ông Giai được giao có các công trình xây dựng và công sức tôn tạo, san lấp đất của gia đình anh Thủy, ông Giai phải thanh toán lại trị giá công sức và các công trình xây dựng này cho gia đình anh Thủy số tiền là 60.005.000 đồng *(Sáu mươi triệu, không trăm linh năm nghìn đồng)* là hợp lý.

Tuy nhiên việc bản án sơ thẩm có nhận định ông Giai phải thanh toán cho các thành viên khác trong hộ gia đình cụ Dũng trị giá 16,3 m^2 đất nhưng không được quyết định trong bản án là chưa chặt chẽ. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Học, anh Thủy, chị Nguyễn Thị Duyên, chị Nguyễn Thị Hân, anh Nguyễn Như Dương, buộc ông Giai phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là: 16,3m^2 x 8.000.000đ/m^2= 130.400.000đ cho các thành viên còn lại trong hộ gia đình cụ Dũng tại thời điểm giao đất gồm: Ông Rơi, bà Xuân, cụ Dũng, cụ Túc mỗi kỷ phần được hưởng là: 130.400.000đ : 4= 32.600.000đ, kỷ phần của Dũng, cụ Túc do các thừa kế của các cụ là ông Học, ông Lễ, ông Giai, ông Rơi, bà Nga, bà Hồng được hưởng.

2.3. Ông Rơi, bà Xuân có lời khai đề nghị Tòa án xác định phần đất của ông, bà được bao nhiêu thì đề nghị trả lại cho ông, bà và ông bà gộp chung vào cùng tiêu chuẩn đất của cụ Túc, cụ Dũng, ông Bái để giao cho ông Giai quản lý, không đề nghị phân chia riêng. Tuy nhiên, ông Rơi, bà Xuân không có đơn yêu cầu độc lập và không có yêu cầu kháng cáo. Do vậy, phần đất 191,7m^2 của cụ Dũng, cụ Túc, ông Rơi, bà Xuân mà gia đình anh Thủy đang quản lý tạm giao cho gia đình anh Thủy tiếp tục quản lý, sử dụng. DT đất 47,4 m^2 của cụ Dũng, cụ Túc, ông Rơi, bà Xuân mà gia đình anh Hữu, chị Yến đang quản lý, sử dụng vẫn tiếp tục tạm giao cho anh Hữu, chị Yến sử dụng.

Giành quyền khởi kiện cho ông Rơi, bà Xuân và các thừa kế của cụ Túc, cụ Dũng bằng vụ kiện khác đối với kỷ phần đất của ông Rơi, bà Xuân, cụ Túc, cụ Dũng quy định theo pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí DSST: Ông Học và anh Thủy là bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật đối với vụ án không giá ngạch là 300.000đ, mỗi người chịu 150.000đ.

Tuy nhiên, ông Học là người cao tuổi nên được miễn án phí. Anh Nguyễn Như Thủy phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm buộc cả chị Duyên là vợ anh Thủy là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu chung án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch cùng anh Thủy là không chính xác.

Nguyên đơn ông Nguyễn Như Giai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản phải thanh toán lại cho gia đình anh Thủy trên phần diện tích đất được giao và số tiền thanh toán chênh lệch cho các thành viên khác trong hộ gia đình cụ Dũng. Cụ thể: Tổng số tiền ông Giai phải thanh toán là: 130.400.000đ + 60.005.000đ = 190.405.000đ, ông Giai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

5% x190.405.000đ = 9.520.000đ (làm tròn)

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhan dân huyện Hoài Đức. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của UBTV Quốc hội khóa 12 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như Giai về việc kiện yêu cầu *"Đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp"* tại thửa đất số 240 và thửa đất số 243, tờ bản đồ số 321-A-IV tại Khu vực 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đối với bị đơn là ông Nguyễn Như Học, anh Nguyễn Như Thủy.

1.1. Buộc ông Nguyễn Như Học, anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, cháu Nguyễn Như Đăng phải trả lại ông Nguyễn Như Giai 144 m^2 đất (trong đó của Liệt sỹ Bái là 63,85m^2) tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 321-A-IV tại Khu vực 1, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vị trí đất giao cho ông Giai được xác định từ điểm 1,2,3,4, 8,1 trên sơ đồ kèm theo bản án. Cụ thể:

Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 9,31m;

Cạnh Tây dài 9,86m giáp với thửa đất hiện ông Bách đang quản lý;

Cạnh Nam dài 15,37m giáp với thửa đất hiện gia đình anh Thủy đang quản lý;

Cạnh Bắc dài 14,84m giáp với thửa đất hiện ông Giới đang quản lý.

1.2. Giao ông Nguyễn Như Giai được quyền sở hữu các tài sản phát triển trên phần đất được giao gồm: 01 nhà cấp 4 (khu chăn nuôi), 01 bể lọc, sân gạch, trụ cổng và có trách nhiệm thanh toán giá trị các công trình này và công tôn nền cho anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên số tiền là 60.005.000 đồng *(Sáu mươi triệu, không trăm linh năm nghìn đồng).*

1.3. Buộc ông Giai phải thanh toán trị giá 16,3 m^2 đất trị giá 130.400.000đ cho: Ông Rơi, bà Xuân, cụ Dũng, cụ Túc mỗi người số tiền là: 32.600.000đ (*ba mươi hai triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

Số tiền phải thanh toán cho Dũng, cụ Túc (tổng cộng là 73.200.000đ) do các thừa kế của các cụ là ông Học, ông Lễ, ông Giai, ông Rơi, bà Nga, bà Hồng được hưởng. Nếu ông Học, ông Lễ, ông Giai, ông Rơi, bà Nga, bà Hồng không tự phân chia được mà có tranh chấp nếu có yêu cầu khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ án khác về chia thừa kế (nếu thời hiệu khởi kiện còn).

2. Phần diện tích đất 191,7m^2 giới hạn bởi các điểm (4,5,6,7,8,4) trên sơ đồ kèm theo bản án, tạm giao cho anh Nguyễn Như Thủy, chị Nguyễn Thị Duyên, anh Nguyễn Như Dương, chị Nguyễn Thị Hân, chị Nguyễn Thị Giang, cháu Nguyễn Như Đạt, và cháu Nguyễn Như Đăng quản lý, sử dụng và tự mở lối đi ra ngõ đi chung.

Diện tích đất 47,4 m^2 của cụ Dũng, cụ Túc, ông Rơi, bà Xuân mà gia đình anh Hữu, chị Yến đang quản lý, sử dụng tạm giao cho anh Hữu, chị Yến sử dụng.

Giành quyền khởi kiện cho ông Rơi, bà Xuân và các thừa kế của cụ Túc, cụ Dũng bằng vụ kiện khác đối với kỷ phần đất của ông Rơi, bà Xuân, cụ Túc, cụ Dũng quy định theo pháp luật.

3. Anh Nguyễn Như Thuỷ, chị Nguyễn Thị Duyên được ông Nguyễn Như Giai thanh toán số tiền trị giá công tôn nền và giá trị các công trình trên đất giao cho ông Giai là 60.005.000 đồng *(Sáu mươi triệu không trăm linh năm nghìn đồng)*.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Miễn án phí cho ông Nguyễn Như Học.

4.2. Anh Nguyễn Như Thuỷ phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Ông Nguyễn Như Giai phải chịu 9.520.000đ (chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Giai được trừ vào 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008490 ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Ông Giai còn phải nộp số tiền là 7.020.000đ (Bảy triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Như Thủy, chị Nguyễn Thị Duyên, chị Nguyễn Thị Hân, anh Nguyễn Như Dương mỗi người được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại BL số 0009146; 0009145; 0009144; 0009143 cùng ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND. huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THÚY